

Số: 108/2025/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1361/2025/TLST-VHNGĐ ngày 23/6/2025, về việc “Thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Phước L, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số: 066190020138 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/3/2023.

Địa chỉ thường trú: 01 Tổ 49, khu phố 4, Phường 11, thành phố VT, tỉnh BR– VT (nay là 01 Tổ 49, khu phố 4, phường PT, TP.HCM).

Địa chỉ liên hệ: G21 Tổ 4, khu phố 5, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN (nay là G21 Tổ 4, khu phố 5, phường TH, tỉnh ĐN).

- Người yêu cầu: Ông Trần Nguyễn C, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 075093007553 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/9/2021.

Địa chỉ: 122/609A khu phố 4, phường TM, thành phố BH, tỉnh ĐN (nay là 122/609A khu phố 4, phường TH, tỉnh ĐN).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nguyễn C và bà Nguyễn Phước L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Nguyễn C và bà Nguyễn Phước L thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Anh K, sinh ngày 25/03/2018 cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2025.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án số tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Trần Nguyễn C và bà Nguyễn Phước L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007568 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường TM (nay là UBND phường TH), tỉnh ĐN; (Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2022 ngày 25/5/2022);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phạm Tuấn